

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH LẠNG SƠN VÒNG 1 NĂM 2025

Tên cơ quan, đơn vị: Sở Công thương

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày /01/2026 của Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2025)

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
0	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	I	Phòng Quản lý năng lượng											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về Quản lý năng lượng											
1	1	01	Dương Văn Thận	13/6/1993		Nùng	ĐH	Hệ thống điện	Đại học liên thông	Trung bình khá	DTTS	30/60	
	II	Phòng Quản lý thương mại											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về Quản lý thương mại tế											
2	1	02	Lâm Thu Hường		08/10/2002	Nùng	ĐH	Tài chính quốc tế	Chính quy	Khá	DTTS	39/60	
3	2	03	Tô Yến Uyên		26/9/2002	Nùng	ĐH	Thương mại quốc tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	24/60	
4	3	04	Hoàng Thiên Tú	25/11/2003		Tày	ĐH	Tài chính quốc tế	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	
5	4	05	Hoàng Minh Hằng		09/4/1996	Nùng	ĐH	Thương mại và Kinh tế quốc tế	Chính quy		DTTS	23/60	
6	5	06	Dương Hải Cơ		25/6/2001	Tày	ĐH	Thương mại và Kinh tế quốc tế	Chính quy		DTTS	29/60	
	III	Phòng Quản lý công nghiệp											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về Quản lý công nghiệp											
7	1	07	Vi Xuân Đức	20/11/1997		Tày	ĐH	Quản lý công nghiệp	Chính quy	Trung bình	DTTS	29/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
8	2	08	Đỗ Việt Dũng	15/10/1986		Kinh	ĐH	Kỹ thuật công nghiệp	Chính quy	Trung bình		0/60	
9	3	09	Lý Thị Hiền		02-09-1987	Nùng	ĐH	Quản lý công nghiệp	Chính quy	Trung bình khá	DTTS	0/60	
	IV	Chi cục Quản lý thị trường											
	a	Các Đội Quản lý thị trường ; Vị trí việc làm tuyển dụng: Kiểm soát viên thị trường											
10	1	10	Lương Đức Quân	02/12/2002		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
11	2	11	Nguyễn Văn Hạo	08/10/2002		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	35/60	
12	3	12	Hoàng Thu Dung		05/11/1997	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	
13	4	13	Hoàng Hà Anh Tuấn	19/3/1999		Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá		22/60	
14	5	14	Nguyễn Đức Chung	19/01/2001		Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá		26/60	
15	6	15	Đình Nhật Anh	16/10/1988		Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Học từ xa	Trung bình khá	DTTS	16/60	
16	7	16	Vi Diệu Hoa		25/11/2003	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
17	8	17	Nguyễn Khánh Duy	14/11/2003		Tày	ĐH	Kinh Tế	Chính quy	Trung bình	DTTS	37/60	
18	9	18	Lý Văn Bách	17/01/2003		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
19	10	19	Nguyễn Mạnh Hà	28/01/1999		Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	25/60	
20	11	20	Nguyễn Bế Giáp	05/9/1998		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
21	12	21	Tô Thị Hà		15/10/2003	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
22	13	22	Lương Trọng Nhân	02/3/1995		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	34/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
23	14	23	Chu Bích Hồng		09/11/1995	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	20/60	
24	15	24	Triệu Thị Mùi		09/11/1989	Dao	ĐH	Luật Kinh tế	Vừa làm vừa học	Khá	DTTS	21/60	
25	16	25	Đinh Ngọc Ánh		07/11/2000	Kinh	ĐH	Quản trị Kinh doanh	Chính quy	Giỏi		43/60	
26	17	26	Nguyễn Công Phú	17/4/2002		Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá		30/60	
27	18	27	Nguyễn Tô Khánh Linh		04/10/2003	Tày	ĐH	Kinh Tế	Chính quy	Khá	DTTS	25/60	
28	19	28	Lã Ngọc Thức	19/02/1997		Nùng	ĐH	Kinh Tế	Chính quy	Trung bình khá	DTTS	30/60	
29	20	29	Nguyễn Hồng Nhung		20/10/2002	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
30	21	30	Phùng Văn Ninh	24/10/2002		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		28/60	
31	22	31	Vũ Thành Hưng	02/12/2002		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		32/60	
32	23	32	Triệu Lan Phương		11/7/2003	Nùng	ĐH	Luật Kinh doanh	Chính quy	Khá	DTTS	37/60	
33	24	33	Triệu Anh Tuấn	14/7/1994		Nùng	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Trung bình khá	DTTS	30/60	
34	25	34	Nguyễn Văn Đức	09/6/1987		Tày	ĐH	Kinh Tế	Chính quy	Trung bình khá	DTTS	29/60	
35	26	35	Hoàng Tuấn Hùng	03/11/1996		Tày	ĐH	Kinh Tế	Chính quy	Trung bình	DTTS	38/60	
36	27	36	Hoàng Linh Phương		30/5/2001	Nùng	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	24/60	
37	28	37	Phạm Tuấn Anh	17/10/1996		Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Vừa làm vừa học	Khá	DTTS	0/60	
38	29	38	Chu Thị Nhung		18/01/1997	Tày	ĐH	Luật	Học từ xa	Khá	DTTS	35/60	
39	30	39	Chu Hà Phương		20/11/2002	Tày	ĐH	Kinh doanh quốc tế	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
40	31	40	Bế Thị Huyền		24/9/1995	Tày	ĐH	Kinh Tế	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
41	32	41	Đường Hoàng Mai		13/7/2001	Tày	ĐH	Quản trị Kinh doanh	Chính quy	Giỏi	DTTS	32/60	
42	33	42	Hoàng Minh Hiếu	22/02/1997		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
43	34	43	Chu Thị Minh Hiếu		19/12/2001	Tày	ĐH	Quản trị Kinh doanh	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
44	35	44	Lành Thị Dành		16/8/2003	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
45	36	45	Nguyễn Vũ Mai Hoa		27/02/2003	Kinh	ĐH	Quản trị Kinh doanh	Chính quy	Giỏi		31/60	
46	37	46	Hứa Bảo Ngọc		31/8/2003	Nùng	ĐH	Kinh doanh quốc tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	36/60	
47	38	47	Dương Thị Thủy Thanh		12/01/1995	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
48	39	48	Nguyễn Tú Uyên		25/10/1994	Tày	ĐH	Quản trị Kinh doanh	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
49	40	49	Nông Thị Hoài		02/01/2001	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
50	41	50	Nguyễn Lam Tường	15/01/2002		Tày	ĐH	Marketing	Chính quy	Khá	DTTS	23/60	
51	42	51	Hà Thị Phương Thảo		13/8/1996	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi		0/60	
52	43	52	Lành Thúy Ngân		04/3/1996	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	26/60	
53	44	53	Dương Thần Ngọc Phú	21/10/2000		Tày	ĐH	Luật học	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
54	45	54	Nguyễn Thị Thu Trà		23/11/1999	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	
55	46	55	Nguyễn Chí Hùng	17/9/1991		Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Học từ xa	Giỏi		0/60	
56	47	56	Lý Ngọc Ánh		01/3/1998	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
57	48	57	La Thị Bích Khuyên		05/02/1998	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
58	49	58	Lăng Thị Hồng Hạ		21/10/2003	Nùng	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	32/60	
59	50	59	Lương Thị Huyền Trang		08/11/2002	Kinh	ĐH	Luật	Tập trung	Khá		0/60	
60	51	60	Hoàng Hồng Sơn	25/02/2001		Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	
61	52	61	Hứa Thị Ngọc Bích		12/9/1996	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	36/60	
62	53	62	Hứa Thị Hà Mi		26/02/2002	Nùng	ĐH	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Giỏi	DTTS	23/60	
63	54	63	Phạm Đức Hiếu	12/6/1999		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	23/60	
64	55	64	Hoàng Văn Nhận	04/9/1999		Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá		42/60	
65	56	65	Tô Lương Thúy Hằng		17/12/2003	Nùng	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	38/60	
66	57	66	Tô Lương Phúc	14/10/2001		Nùng	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
67	58	67	Đinh Diệu Thùy		21/5/1993	Kinh	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Trung bình		25/60	
68	59	68	Hoàng Tuấn Đạt	27/3/1997		Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Vừa làm vừa học	Khá	DTTS	0/60	
69	60	69	Hà Kiều Anh		13/7/1999	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
70	61	70	Triệu Thị Ngọc Lan		03/12/2001	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	
71	62	71	Thường Minh Hiếu		25/10/2003	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	
72	63	72	Nguyễn Thùy Trang		22/4/2002	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
73	64	73	Nguyễn Trọng Đại	19/11/1997		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
74	65	74	Hoàng Thị Phần		14/4/2000	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
75	66	75	Tạ Ngọc Mai		02/11/2003	Tày	ĐH	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Giỏi	DTTS	31/60	
76	67	76	Phạm Thị Việt Trinh		01/9/1997	Kinh	ĐH	Luật kinh doanh	Chính quy	Giỏi		0/60	
77	68	77	Phạm Minh Trang		14/4/1997	Kinh	ĐH	Luật quốc tế	Chính quy	Khá		26/60	
78	69	78	Nông Thị Bích Bản		21/10/1994	Nùng	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	39/60	
79	70	79	Hoàng Diệu Ly		19/10/2002	Tày	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	33/60	
80	71	80	Hà Thùy Linh		03/5/1997	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	33/60	
81	72	81	Hoàng Thị Bích Huệ		05/4/1998	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
82	73	82	Hoàng Trung Kiên	21/9/1997		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
83	74	83	Vương Quốc Hưng	18/5/2003		Nùng	ĐH	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Khá	DTTS	21/60	
84	75	84	Dương Kim Thanh	01/02/1997		Dao	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	29/60	
85	76	85	Nghiêm Ngọc Quỳnh		28/8/2000	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	22/60	
86	77	86	Hoàng Thị Hóa		19/7/2003	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	21/60	
87	78	87	Đàm Văn Nam	09/8/1998		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
88	79	88	Hoàng Thị Hồng		06/9/2000	Tày	ĐH	Marketing	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
89	80	89	Trương Minh Vương	01/10/2003		Tày	ĐH	Kinh doanh quốc tế	Chính quy	Xuất sắc	DTTS	28/60	
90	81	90	Lương Quỳnh Anh		01/01/2000	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	40/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
91	82	91	Trần Thị Ngân		10/10/1994	Nùng	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Trung bình	DTTS	23/60	
92	83	92	Nguyễn Hữu Quang	21/8/2001		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi		26/60	
93	84	93	Hà Kiều Oanh		10/5/2000	Tày	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	
94	85	94	Hoàng Gia Huân	05/01/2003		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	21/60	
95	86	95	Bế Văn Nam	24/01/1993		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	26/60	
96	87	96	Cao Thanh Nhã		28/02/2001	Tày	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	
97	88	97	Hoàng Đình Trọng	24/4/1999		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
98	89	98	Đặng Văn Sơn	01/4/1997		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
99	90	99	Đậu Quỳnh Trang		13/10/2003	Tày	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	40/60	
100	91	100	Nguyễn Thị Hồng Nhung		26/01/2000	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		40/60	
101	92	101	Lưu Minh Trang		02/6/2003	Tày	ĐH	Kinh doanh quốc tế	Chính quy	Xuất sắc	DTTS	0/60	
102	93	102	Hoàng Ngọc Lực	23/7/1991		Kinh	ĐH	Luật	Vừa làm vừa học	Khá	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	0/60	
103	94	103	Đào Thu Phương		24/8/2002	Tày	ĐH	Luật kinh tế	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
104	95	104	Trình Hoàng Khiêm	27/9/1996		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	33/60	
105	96	105	Mã Thị Mai Anh		25/10/1999	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	37/60	
106	97	106	Phan Công Huy	07/9/2002		Tày	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	23/60	
107	98	107	Triệu Hà Bích Phượng		08/6/2002	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	36/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
108	99	108	Lương Trọng Đại	27/9/1993		Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Giỏi		44/60	
109	100	109	Nguyễn Đức Thành	27/12/2002		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình		23/60	
110	101	110	Nông Thị Ngân		16/02/1984	Tày	ThS	Luật kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	
111	102	111	Hoàng Mỹ Trinh		20/9/1999	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	33/60	
112	103	112	Lương Hoàng Đồng	11/10/2000		Tày	ĐH	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	
113	104	113	Hoàng Việt Hưng	23/9/1999		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	32/60	
114	105	114	Hoàng Thái Anh	22/8/1999		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	21/60	
115	106	115	Đình Hoàng Thục Anh		04/11/2002	Tày	ĐH	Kinh Tế	Chính quy	Khá	DTTS	36/60	
116	107	116	Hoàng Tổng Khánh Quế	19/02/2001		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	33/60	
117	108	117	Tô Minh Dũng	26/7/1997		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	
118	109	118	Hoàng Thanh Lam		24/5/1999	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	39/60	
119	110	119	Lê Ngọc Ninh	03/5/1976		Kinh	ĐH	Luật	Vừa làm vừa học	Trung bình khá	Con người hưởng chính sách như thương binh	25/60	
120	111	120	Trần Mai Hương		17/7/1997	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	33/60	
121	112	121	Hoàng Thị Thanh Hương		13/5/1998	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		0/60	
122	113	122	Hoàng Hải Ly		04/3/1997	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		29/60	
123	114	123	Hoàng Văn Mạnh	07/3/2001		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	24/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
124	115	124	Hoàng Công Điệp	25/01/1989		Tày	ĐH	Kinh Tế	Chính quy	Trung bình	DTTS	23/60	
125	116	125	Bế Bích Diệp		08/12/1998	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	35/60	
126	117	126	Trần Đức Trịnh	26/9/2001		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	33/60	
127	118	127	Trịnh Long Tuấn	21/5/2000		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
128	119	128	Đặng Mạnh Tùng	28/02/1996		Kinh	ĐH	Luật	Vừa làm vừa học	Khá		0/60	
129	120	129	Bùi Thị Diễm		26/12/1995	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	
130	121	130	Mai Thanh Phong	13/11/1996		Tày	ĐH	Quản trị kinh doanh	Chính quy	TB Khá	DTTS	24/60	
131	122	131	Nguyễn Thu Hiền		22/9/2002	Tày	ĐH	Kinh doanh thương mại	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	
132	123	132	Nguyễn Như Quỳnh		09/7/1997	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	39/60	
133	124	133	Hà Văn Đức	03/7/1997		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	27/60	
134	125	134	Vy Đức Toàn	10/11/2000		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	24/60	
135	126	135	Liều Thị Thúy		11/6/1998	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	21/60	
136	127	136	Nguyễn Quang Huy	25/8/2001		Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Khá		41/60	
137	128	137	Trần Hồng Thanh		02/5/2003	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		0/60	
138	129	138	Dương Thị Thuận		06/11/2001	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
139	130	139	Hoàng Văn Trí	06/7/1996		Tày	ThS	Quản trị kinh doanh	Chính quy		DTTS	43/60	
140	131	140	Bế Thị Anh Thư		29/11/2002	Tày	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	25/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
141	132	141	Đoàn Thị Thanh		18/7/1999	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
142	133	142	Triệu Thị Thu Hường		14/7/1997	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	21/60	
143	134	143	Triệu Thị Phụng		15/5/1998	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
144	135	144	Nông Hà Chi		19/8/2001	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
145	136	145	Vi Thanh Thư		16/3/2001	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	32/60	
146	137	146	Triệu Thị Nhé		27/7/1996	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	22/60	
147	138	147	Vy Thùy Tiên		17/6/1996	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
148	139	148	Hà Thị Mến		02/01/1995	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	23/60	
149	140	149	Lê Thị Ngọc Huyền		11/8/2001	Tày	ĐH	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Giỏi	DTTS	25/60	
150	141	150	Trần Minh Ngọc	24/4/1995		Tày	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	39/60	
151	142	151	Hà Thu Trang		24/11/2001	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Xuất sắc		43/60	
152	143	152	Tô Thị Thanh Thảo		13/3/1997	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
153	144	153	Lý Thu Ngân		25/01/2002	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	25/60	
154	145	154	Nguyễn Khánh Ngân		30/7/2003	Nùng	ĐH	Kinh doanh quốc tế	Chính quy	Xuất sắc	DTTS	24/60	
155	146	155	Bế Phương Diễm		20/7/1998	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	32/60	
156	147	156	Đào Nguyễn Phương Mai		18/4/2003	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
157	148	157	Ma Thị Nga		23/8/1996	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
158	149	158	Đặng Thị Bích Diệp		05/11/2001	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	20/60	
159	150	159	Phạm Vũ Quang Huy	04/02/2000		Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Giỏi		21/60	
160	151	160	Phạm Tuấn Mạnh	25/08/2001		Tày	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	41/60	
161	152	161	Nông Thị Trang		11/4/1998	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	TB Khá	DTTS	16/60	
162	153	162	Nông Thị Thùy Trang		21/5/1996	Nùng	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
163	154	163	Dương Phương Hậu		18/4/2002	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
164	155	164	Nguyễn Thủy Tiên		19/01/2002	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi		40/60	
165	156	165	Trần Hoàng Yến		07/4/2001	Nùng	ĐH	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Trung bình	DTTS	33/60	
166	157	166	Hoàng Thu Phương		23/11/1999	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		24/60	
167	158	167	Hoàng Thị Uyên		21/6/1996	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
168	159	168	Hoàng Vân Trang		13/3/2002	Tày	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	25/60	
169	160	169	Nông Thu Trang		15/4/1997	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	36/60	
170	161	170	Bế Hải Hằng		24/9/1995	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	36/60	
171	162	171	Phạm Mai Linh		30/6/1996	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Xuất sắc		0/60	
172	163	172	Nguyễn Thị Khuyên		08/02/1995	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
173	164	173	Phan Vĩnh Long	22/12/1998		Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
174	165	174	Tổng Thành Nam	01/12/2001		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		34/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
175	166	175	Nguyễn Trường Giang	30/8/1999		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	21/60	
176	167	176	Triệu Văn Mai	29/12/1992		Dao	ĐH	Luật Kinh tế	Vừa làm vừa học	Khá	DTTS	0/60	
177	168	177	Phạm Gia Long	07/5/2000		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		0/60	
178	169	178	Nguyễn Văn Mạnh	05/01/2000		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		36/60	
179	170	179	Trần Mỹ Duyên		26/10/2000	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Liên kết đào tạo	A		27/60	
180	171	180	Đỗ Xuân Huy	23/9/1997		Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Trung bình khá		34/60	
181	172	181	Chu Lộc Việt	25/12/2001		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
182	173	182	Đỗ Quang Thiệu	26/01/2002		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		30/60	
183	174	183	Hoàng Thị Đường		11/5/1997	Sán chỉ	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	
184	175	184	Vi Thị Oanh		05/12/1994	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	
185	176	185	Đặng Văn Thứ	16/9/1992		Tày	ĐH	Luật	Vừa làm vừa học	Khá	DTTS	0/60	
186	177	186	Đặng Hiền Mai		22/02/2001	Tày	ĐH	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
187	178	187	Hoàng Thị Vân		15/11/1994	Nùng	ĐH	Luật kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
188	179	188	Trần Ngọc Anh		29/02/2000	Kinh	ĐH	Kinh Tế	Chính quy	Tốt		16/60	
189	180	189	Đồng Mai Phương		25/8/1995	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
190	181	190	Đỗ Hà Quỳnh Anh		14/11/2001	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		31/60	
191	182	191	Bế Quốc Hưng	21/6/2000		Tày	ĐH	Kinh doanh quốc tế	Chính quy	Khá	DTTS	36/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
192	183	192	Vũ Đức Mạnh	16/8/1999		Tày	ĐH	Quản trị kinh doanh	Liên kết đào tạo	Khá	DTTS	0/60	
193	184	193	Đặng Anh Quốc	18/5/2002		Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
194	185	194	Phạm Nguyễn Anh Đức	31/3/1999		Kinh	ĐH	Kinh doanh quốc tế	Chính quy	Khá		21/60	
195	186	195	Nguyễn Thị Minh Trang		30/11/2003	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	21/60	
196	187	196	Lương Thị Thanh Trà		05/3/2002	Tày	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	34/60	
197	188	197	Huỳnh Ngọc Phụng		12/7/1999	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
198	189	198	Nông Thị Hoài		12/3/1998	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	25/60	
199	190	199	Hà Lan Nhi		03/9/1994	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
200	191	200	Đỗ Quỳnh Hoa		06/5/2002	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	28/60	
201	192	201	Hà Ngọc Linh		11/10/1999	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	23/60	
202	193	202	Hà Thị Phương Loan		03/10/2001	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
203	194	203	Hoàng Thị Hằng		16/12/1997	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
204	195	204	Đoàn Thanh Biển		07/11/2001	Tày	ĐH	Marketing	Chính quy	Khá	DTTS	24/60	
205	196	205	Hoàng Minh Dũng	26/9/1998		Tày	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Trung bình	DTTS	37/60	
206	197	206	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		05/8/2002	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
207	198	207	Đặng Quỳnh Trang		18/8/1998	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	22/60	
208	199	208	Vì Tiến Thành	19/8/1995		Tày	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
209	200	209	Dương Thị Chanh		10/7/2001	Tày	ĐH	Luật	Vừa làm vừa học	Khá	DTTS	25/60	
210	201	210	Nguyễn Thị Liễu		06/01/1992	Kinh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Khá		33/60	
211	202	211	Nguyễn Thị Hương Quỳnh		08/9/2001	Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi		32/60	
212	203	212	Vũ Thị Tuyết Mai		27/01/1996	Tày	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	
213	204	213	Lý Thị Hạnh		13/01/2003	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	
214	205	214	Dương Thị Huyền My		04/10/2002	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
215	206	215	Nguyễn Thu Ngọc		22/7/1997	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
216	207	216	Trần Nguyễn Bảo Trang		31/01/1993	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
217	208	217	Hoàng Tiến Lộc	17/3/2002		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	23/60	
218	209	218	Trần Đức Duy	12/3/1999		Kinh	ĐH	Kinh doanh thương mại quốc tế	Chính quy	Khá		0/60	
219	210	219	Hứa Minh Long	17/8/1993		Nùng	ĐH	Quản lý kinh doanh	Chính quy	Trung bình khá	DTTS	0/60	
220	211	220	Nông Tâm Đan		06/8/2003	Nùng	ĐH	Kinh tế quốc tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	33/60	
221	212	221	Đặng Thị Thanh Thu		22/4/2001	Tày	ĐH	Kinh tế quốc tế	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
222	213	222	Lâm Khánh Vy		03/3/2002	Nùng	ĐH	Kinh tế quốc tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	
223	214	223	Dương Đức Lộc	28/10/1995		Tày	ĐH	Kinh Tế Nông nghiệp	Chính quy	Trung bình	DTTS	34/60	
224	215	224	Nguyễn Ngọc Mai		21/02/2002	Kinh	ĐH	Kinh Tế	Chính quy	Xuất sắc		0/60	
	b	Phòng Tổ chức - Hành chính; Vị trí việc làm tuyển dụng: Văn thư viên											

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
225	1	225	Hoàng Thị Lan		24/11/1995	Nùng	ĐH	Lưu trữ học	Chính quy	Giỏi	DTTS	31/60	

Tổng số 225 thí sinh./.

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH LẠNG SƠN VÒNG 1 NĂM 2025

Tên cơ quan, đơn vị: Sở Nội vụ

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày /01/2026 của Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2025)

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
0	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	I	Văn phòng Sở											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về tổng hợp											
1	1	226	Nông Thị Điệp		09/3/2003	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	36/60	
2	2	227	Nông Hồng Nhung		04/10/1995	Nùng	Ths	Luật dân sự và tổ tụng dân sự	Chính quy		DTTS	0/60	
3	3	228	Cao Diệp Linh		08/8/2001	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	30/60	
4	4	229	Hoàng Thu Huyền		28/6/2001	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	40/60	
5	5	230	Hoàng Thị Hoa		09/7/2001	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
6	6	231	Lý Hoàng Lam		26/12/2000	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	19/60	
7	7	232	Đặng Ngân Quỳnh		28/10/1991	Tày	Ths	Luật học	Chính quy	Khá	DTTS	35/60	
8	8	233	Lê Kim My		06/10/2002	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
9	9	234	Nguyễn Việt Bắc	17/7/2003		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
10	10	235	Nguyễn Thị Thu Nương		16/01/2002	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	23/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
11	11	236	Đào Thu Thảo		27/9/1997	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi		0/60	
12	12	237	Trương Thùy Hoa		16/9/2003	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	26/60	
13	13	238	Sầm Thị Bích		03/01/1995	Nùng	ĐH	Luật học	Chính quy	Khá	DTTS	33/60	
14	14	239	Nguyễn Hồ Hạnh		12/6/2002	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi		32/60	
15	15	240	Dương Thị Mai		17-4-2002	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
	II	Phòng Xây dựng chính quyền và Văn thư, lưu trữ											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ											
16	1	241	Lưu Thị Thúy Ngân		06/10/2000	Tày	ĐH	Lưu trữ học	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
17	2	242	Đinh Lý Quỳnh Trang		31/12/2002	Tày	ĐH	Lưu trữ học	Chính quy	Khá	DTTS	23/60	

Tổng số 17 thí sinh./.

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH LẠNG SƠN VÒNG 1 NĂM 2025

Tên cơ quan, đơn vị: Sở Tư pháp

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày /01/2026 của Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2025)

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
0	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	I	Phòng Nghiệp vụ II											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về hành chính tư pháp											
1	1	243	Lý Thị Cương		17/5/2003	Sán chỉ	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	33/60	
2	2	244	Chúng Thị Minh Hiếu		22/9/2001	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
3	3	245	Tôn Lệ Thương		07/10/2000	Nùng	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
4	4	246	Vũ Thị Bảo Ngọc		10/5/2002	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		0/60	
5	5	247	Hoàng Quốc Khánh	01/9/2003		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
6	6	248	Hoàng Thị Nhớ		08/12/2000	Nùng	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	36/60	
7	7	249	Đàm Minh Quang	24/01/2003		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		26/60	
8	8	250	Nguyễn Minh Thư		12/8/2003	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	35/60	
9	9	251	Hoàng Thị Lan		29/11/2000	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
10	10	252	Phạm Diễm My		21/8/1995	Kinh	ĐH	Luật Hình Sự	Chính quy	Khá		0/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
11	11	253	Đặng Thị Hà		16/9/1998	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
12	12	254	Lý Văn Hoàng	26/6/1998		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	28/60	
13	13	255	Nguyễn Thủy Quỳnh		10/3/1994	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	
14	14	256	Đinh Thị Quỳnh Anh		15/8/1998	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	
15	15	257	Cao Quỳnh Hoa		25/12/2000	Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá		29/60	
16	16	258	Dương Thị Châu Loan		03/11/1994	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	
17	17	259	Nông Thị Ngọc Linh		29/9/2000	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
18	18	260	Nguyễn Thị Nguyệt		08/12/2002	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	36/60	
19	19	261	Hoàng Hoài Hương		15/9/2002	Dao	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
20	20	262	Hoàng Thùy Dung		22/5/1997	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
21	21	263	Hà Phương Lan		26/01/2001	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	37/60	

Tổng số 21 thí sinh./.

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH LẠNG SƠN VÒNG 1 NĂM 2025

Tên cơ quan, đơn vị: Thanh tra tỉnh

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày /01/2026 của Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2025)

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
0	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	I	Văn phòng											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về tổng hợp											
1	1	264	Trần Thị Tý		08/8/1989	Kinh	ĐH	Luật	Vừa làm vừa học	Trung bình khá		37/60	
2	2	265	Dương Kim Phượng		23/8/2003	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	26/60	
3	3	266	Mai Thanh Thảo		24/10/2001	Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá		19/60	
4	4	267	Nguyễn Thị Yến		08/10/2001	Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi		0/60	
5	5	268	Đặng Thị Nhật Lệ		08/8/1999	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		30/60	
6	6	269	Cao Tuấn Tùng	26/3/1999		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	
7	7	270	Hà Tiểu Mẫn		09/01/2002	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
8	8	271	Phạm Hoàng Minh Quân	13/11/1996		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình khá		40/60	
9	9	272	Lăng Nhật Anh		27/12/2002	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
10	10	273	Lê Thị Nhân		04/8/2003	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
11	11	274	Lương Hữu Kiên	26/02/2001		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	
12	12	275	Vì Minh Hiếu	05/01/2003		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	24/60	
13	13	276	Hoàng Thuý Huệ		28/6/1999	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	
14	14	277	Hoàng Thị Nhung		18/12/1994	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
15	15	278	Nguyễn Linh Chi		20/10/1998	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		31/60	
16	16	279	Bế Thị Mai		02/3/2001	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	26/60	
17	17	280	Phan Lê Phương Anh		06/12/1999	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	39/60	
18	18	281	Nguyễn Thùy Trang		01/02/2000	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	41/60	
19	19	282	Nông Thị Thu Kiều		23/8/2002	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	
	b	Vị trí việc làm tuyển dụng: quản lý công nghệ thông tin											
20	1	283	Đinh Thị Phương		01/6/1986	Kinh	ĐH	Công nghệ thông tin	Liên thông	Khá		24/60	
21	2	284	Vì Thị Thu Hương		24/8/1991	Tày	ĐH	Công nghệ thông tin	Học từ xa	Giỏi	DTTS	32/60	
22	3	285	Vũ Trọng Hiếu	15/3/1986		Tày	ĐH	Khoa học máy tính	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
23	4	286	Nông Văn Khánh	27/01/1997		Nùng	ThS	Khoa học máy tính	Chính quy	Đạt	DTTS	30/60	
24	5	287	Ngô Mạnh Quyết	01/8/1988		Nùng	ĐH	Công nghệ thông tin	Chính quy	Trung bình khá	DTTS	19/60	
25	6	288	Vũ Đức Trung	23/9/2003		Kinh	ĐH	Công nghệ thông tin	Chính quy	Trung bình khá		38/60	
26	7	289	Vì Tuấn Vũ	04/5/2001		Tày	ĐH	Công nghệ thông tin	Chính quy	Khá	DTTS	19/60	
27	8	290	Hoàng Tiến Đạt	15/9/1994		Tày	ĐH	Công nghệ thông tin	Chính quy	Khá	DTTS	32/60	
28	9	291	Hoàng Việt Đức	29/01/1993		Tày	ĐH	Công nghệ thông tin	Liên thông	Trung bình	DTTS	18/60	
29	10	292	Hoàng Văn Hùng	15/11/2001		Tày	ĐH	An toàn thông tin	Chính quy	Trung bình	DTTS	15/60	
30	11	293	Chu Thanh Sơn	16/8/2000		Nùng	ĐH	Công nghệ thông tin	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
31	12	294	Phạm Thị Nga		15/12/1990	Kinh	ĐH	Công nghệ thông tin	Chính quy	Khá		33/60	
32	13	295	Hoàng Thị Hoài		01/3/2003	Tày	ĐH	Công nghệ thông tin	Chính quy	Xuất sắc	DTTS	40/60	
	II	Phòng Giám sát, Thẩm định và Xử lý sau thanh tra											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về công tác thanh tra											
33	1	296	Mai Phương Linh		14/11/2002	Kinh	ĐH	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Khá		0/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
34	2	297	Hoàng Ngọc Bảo Ly		07/11/2002	Kinh	ĐH	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Khá		0/60	
35	3	298	Trần Đức Tuấn	26/11/2001		Kinh	ĐH	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Khá		0/60	
36	4	299	Lã Thị Huyền		17/12/1999	Nùng	ĐH	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Khá	DTTS	41/60	
37	5	300	Đào Việt Hoàng	29/3/1998		Kinh	ĐH	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Trung bình		32/60	
38	6	301	Nguyễn Hồng Hạnh		25/7/2001	Tày	ĐH	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Khá	DTTS	24/60	
39	7	302	Lộc Thu Thảo		27/7/1994	Tày	ĐH	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
40	8	303	Vũ Nguyễn Minh Châu		04/4/1997	Kinh	ĐH	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Trung bình		38/60	
41	9	304	Đỗ Mai Khuyên		02/01/2001	Kinh	ĐH	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Khá		36/60	
42	10	305	Nguyễn Thị Minh Hằng		12/12/2002	Kinh	ĐH	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Giỏi		0/60	
43	11	306	Leo Anh Tuấn	02/3/1999		Sán Diu	ĐH	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
	III	Phòng Thanh tra phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực											
44	1	307	Đào Khánh Linh		23/9/2003	Nùng	ĐH	Kế toán	Vừa làm vừa học	Giỏi	DTTS	25/60	
45	2	308	Lương Thị Hải Yến		18/3/2003	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	35/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
46	3	309	Đinh Thị Thanh Huyền		26/10/2001	Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi		26/60	
47	4	310	Nông Hoài Thương		13/7/2002	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	21/60	
48	5	311	Hoàng Thế Định	20/5/1992		Tày	ĐH	Kế toán	Vừa học vừa làm	Trung bình	DTTS	32/60	
49	6	312	Trần Bảo Ngọc		14/6/2000	Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi		41/60	
50	7	313	Lương Hùng Vương	25/3/1995		Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi	DTTS	40/60	
51	8	314	Đào Ngọc Anh		07/3/2001	Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá		40/60	
52	9	315	Ngô Thiên Hương		06/10/2001	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	24/60	
53	10	316	Dương Thị Hồng Duyên		12/6/2003	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Xuất sắc	DTTS	43/60	
54	11	317	Trần Thị Thu Phương		27/8/1999	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
55	12	318	Đỗ Minh Hiếu	07/11/2001		Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá		35/60	
56	13	319	Mã Thị Thu Hằng		09/3/1989	Nùng	ĐH	Kế toán	Vừa làm vừa học	Trung bình khá	DTTS	34/60	
57	14	320	Hoàng Thị Nhung		05/11/1989	Tày	ĐH	Kế toán	Vừa làm vừa học	Khá	DTTS	0/60	
58	15	321	Dương Thúy Nga		08/02/1989	Tày	ĐH	Kế toán	Vừa làm vừa học	Khá	DTTS	14/60	
59	16	322	Hoàng Thị Thoa		10/12/1989	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
60	17	323	Nguyễn Thị Cẩm Tú		22/01/2001	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
61	18	324	Nguyễn Nhân Nghĩa	13/10/1997		Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Trung bình khá	DTTS	0/60	
62	19	325	Vũ Thị Huế		06/02/1999	Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá		0/60	
63	20	326	Vy Thị Trà		17/02/1999	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Trung bình	DTTS	33/60	
64	21	327	Nguyễn Thu Thương		28/12/2002	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi	DTTS	30/60	
	IV	Phòng Nghiệp vụ I											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về công tác thanh tra											
65	1	328	Lê Hồng Thanh		13/8/1999	Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá		38/60	
66	2	329	Nguyễn Thị Liễu		18/8/1995	Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Trung bình	DTTS	32/60	
67	3	330	Hoàng Đình Minh	28/8/1996		Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Trung bình	DTTS	29/60	
68	4	331	Lương Mạnh Dũng	09/7/1999		Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Trung bình	DTTS	25/60	
69	5	332	Hoàng Trọng Đức	09/6/1998		Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
70	6	333	Đỗ Xuân Long	25/6/1991		Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Vừa làm vừa học	Trung bình khá	DTTS	0/60	
71	7	334	Hoàng Đình Thái	02/9/2000		Thổ	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Trung bình	DTTS	28/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
72	8	335	Lương Minh Tuấn	24/12/1999		Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Trung bình	DTTS	25/60	
73	9	336	Phạm Minh Quân	07/10/1999		Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá		35/60	
74	10	337	Hoàng Tùng Lâm	01/01/2001		Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
75	11	338	Hoàng Văn Tuyến	06/4/1993		Nùng	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
76	12	339	Lành Hữu Thắng	17/02/1996		Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Trung bình	DTTS	34/60	
77	13	340	Lý Hoàng Tuấn	22/3/1995		Nùng	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Trung bình	DTTS	21/60	
78	14	341	Nông Văn Đoàn	28/5/1985		Nùng	ĐH	Kỹ sư xây dựng cầu đường	Chính quy	Trung bình khá	DTTS	33/60	
79	15	342	Linh Văn Hoàng	10/11/1990		Nùng	ĐH	Xây dựng Cầu-Đường	Chính quy	Trung bình khá	DTTS	37/60	
	b	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về tiếp công dân, xử lý đơn											
80	1	343	Nguyễn Hữu Khang	06/3/2000		Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Khá	Hoàn thành NVQS	30/60	
81	2	344	Đỗ Văn Trường	11/12/1997		Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Khá	DTTS	32/60	
82	3	345	Nguyễn Minh Đức	26/02/2001		Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Khá		37/60	
83	4	346	Hà Minh Thuận	25/02/2002		Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
84	5	347	Triệu Thị Nga		15/6/1994	Dao	ĐH	Kỹ thuật công trình xây dựng	Chính quy	Khá	DTTS	33/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
	V	Phòng Nghiệp vụ II											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về công tác thanh tra											
85	1	348	Hoàng Trọng Bằng	01/6/1994		Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	DTTS	36/60	
86	2	349	Đỗ Minh Khuê	16/4/1999		Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Trung bình		0/60	
87	3	350	Đặng Minh Hoàng	01/02/1997		Cao Lan	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
88	4	351	Nguyễn Anh Đức	13/9/1997		Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Khá		0/60	
89	5	352	Sái Nguyên Anh	29/11/1999		Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Trung bình	DTTS	37/60	
90	6	353	Nguyễn Viết Thành	25/9/1998		Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Trung bình		30/60	
91	7	354	Nguyễn Mã Quốc Anh	14/10/1999		Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Chính quy	Trung bình	DTTS	35/60	
	b	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo											
92	1	355	Vi Khánh Huy	03/8/1995		Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Trung bình	DTTS	31/60	
93	2	356	Nông Đức Minh	06/3/2001		Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Khá	DTTS	41/60	
94	3	357	Phạm Mạnh Cung	01/4/1996		Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Trung bình		0/60	
95	4	358	Nguyễn Ngọc Thảo	08/11/1999		Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Trung bình		0/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
96	5	359	Nguyễn Văn Nam	14/01/1996		Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Trung bình		0/60	
97	6	360	Đậu Trường Khánh	17/11/1996		Kinh	ĐH	Kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Trung bình		36/60	
98	7	361	Nông Ngọc Nhất	21/4/1992		Tày	ThS	Kỹ thuật xây dựng	Chính quy	-	DTTS	31/60	
	VI	Phòng Nghiệp vụ III											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về công tác thanh tra											
99	1	362	Hoàng Thị Thu Thùy		23/8/1991	Nùng	ĐH	Khoa học môi trường	Chính quy	Trung bình	DTTS	27/60	
100	2	363	Dương Tuấn Minh	12/5/2002		Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
101	3	364	Nông Đức Thắng	11/1/1995		Tày	ĐH	Khoa học môi trường	Chính quy	Trung bình	DTTS	32/60	
102	4	365	Hoàng Hải Yến		21/11/2000	Nùng	ĐH	Khoa học môi trường	Chính quy	Khá	DTTS	42/60	
103	5	366	Vũ Quỳnh Trang		18/5/1993	Tày	ĐH	Khoa học môi trường	Chính quy	Trung bình	DTTS	34/60	
104	6	367	Bùi Duy Khánh	16/12/1995		Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Giỏi		0/60	
105	7	368	Hoàng Thị Hồng		23/7/1993	Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	
106	8	369	Trần Thị Quỳnh		09/12/1990	Nùng	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
107	9	370	Nguyễn Tiến Thành	03/02/2000		Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	38/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
108	10	371	Ngô Mai Thảo		12/12/1997	Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
109	11	372	Nguyễn Thị Hải		04/4/1991	Kinh	ĐH	Khoa học môi trường	Chính quy	Khá		28/60	
110	12	373	Dương Ngọc Mai		29/01/1992	Tày	ĐH	Môi trường	Chính quy	Trung bình	DTTS	33/60	
111	13	374	Hoàng Phương Thảo		22/11/1996	Nùng	ĐH	Khoa học môi trường	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
112	14	375	Nguyễn Thuỳ Dung		24/5/1992	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình		26/60	
113	15	376	Lương Thị Huệ		01/01/1995	Nùng	ĐH	Khoa học môi trường	Chính quy	Khá	DTTS	32/60	
114	16	377	Mã Thị Biếc		14/11/1992	Tày	ĐH	Khoa học môi trường	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	
115	17	378	Lộc Thị Kim Chi		05/10/1991	Nùng	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	32/60	
116	18	379	Nguyễn Thị Hoài		26/01/2003	Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình	DTTS	21/60	
117	19	380	Vương Thị Khánh Linh		08/3/1998	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình		34/60	
	b	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về tiếp công dân, xử lý đơn											
118	1	381	Vũ Văn Quân	01/7/1994		Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	Chính quy	Khá		36/60	
119	2	382	Hoàng Thị Kim Diệp		08/7/1996	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	Chính quy	Khá		0/60	
120	3	383	Hoàng Thị Diệu		27/6/2001	Tày	ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	Chính quy	Giỏi	DTTS	21/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
121	4	384	Nguyễn Thị Bích Vân		13/11/2003	Kinh	ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	Chính quy	Khá		24/60	
122	5	385	Ma Đình Tuấn	02/02/1996		Tày	ĐH	Khoa học môi trường	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
123	6	386	Triệu Mỹ Linh		22/6/1995	Tày	ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
124	7	387	Hoàng Đức Mạnh	14/12/1997		Nùng	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	
125	8	388	Hoàng Thị Ngọc Mai		29/4/1995	Tày	ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
126	9	389	Nông Linh Khánh Hạ		12/01/2002	Tày	ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	Chính quy	Xuất sắc	DTTS	21/60	
127	10	390	Lài Thị Thảo		25/12/1995	Nùng	ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	Chính quy	Trung bình	DTTS	29/60	
128	11	391	Lò Văn Định	31/12/2001		Thái	ĐH	Quản lý tài nguyên và môi trường	Chính quy	Khá	DTTS	19/60	
129	12	392	Nguyễn Hạnh Yến Nhi		28/4/1999	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá		31/60	
130	13	393	Ngô Minh Thu		30/9/1997	Tày	ThS	Quản lý đất đai	Chính quy	-	DTTS	24/60	
	VII	Phòng Nghiệp vụ IV											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về công tác thanh tra											
131	1	394	Nguyễn Thị Thúy		06/5/1991	Kinh	ĐH	Luật	Vừa học vừa làm	Trung bình khá		32/60	
132	2	395	Mã Thị Phương Lan		03/12/1994	Nùng	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	42/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
133	3	396	Lương Thị Quế Anh		18/11/2002	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	21/60	
134	4	397	Nguyễn Thiện Tuấn	10/4/1992		Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá		35/60	
135	5	398	Hà Hoài Phương		18/3/1999	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	24/60	
136	6	399	Hoàng Văn Chương	06/4/1995		Kinh	ĐH	Luật	Vừa làm vừa học	Khá	Đã hoàn thành nghĩa vụ công an nhân dân	30/60	
137	7	400	Nguyễn Văn Hậu	01/4/1997		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		28/60	
138	8	401	Lâm Thị Thu Hương		07/5/2001	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	32/60	
139	9	402	Ngô Thúy Vi		01/10/2000	Nùng	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	
140	10	403	Lương Minh Đức	08/3/2003		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	17/60	
141	11	404	Lý Văn Thâm	12/12/1992		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
142	12	405	Giảng A Súa	28/7/1998		H'Mông	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
143	13	406	Vi Thu Thảo		25/7/1995	Tày	ThS	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	25/60	
144	14	407	Vũ Thành Công	21/9/2003		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi		37/60	
145	15	408	Vi Thạch Thảo		06/4/2003	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	26/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
146	16	409	Vương Văn Mới	08/3/1995		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
147	17	410	Giáp Thị Khánh Linh		27/7/1999	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
148	18	411	Hoàng Văn Tài	08/02/1992		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	21/60	
149	19	412	Trương Quang Minh	20/9/1999		Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá		0/60	
150	20	413	Vy Thị Huyền Trang		03/01/1993	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
151	21	414	Kiều Hồng Sơn	11/9/1996		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi		41/60	
152	22	415	Trần Hữu Lĩnh	01/02/1985		Kinh	ĐH	Kế toán	Hệ từ xa	Giỏi		24/60	
153	23	416	Nguyễn Đại Phi	05/10/1997		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình		28/60	
154	24	417	Nguyễn Thị Tuyết Mai		15/9/1997	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
155	25	418	Hoàng Hương Giang		15/6/2001	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	26/60	
156	26	419	Nguyễn Mạnh Khoa	08/11/2000		Kinh	ThS	Luật	Chính quy	-		41/60	
157	27	420	Đỗ Văn Tuyền	08/4/1998		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		34/60	
158	28	421	Nguyễn Thị Nhật Mai		05/12/2002	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	41/60	
159	29	422	Vì Thế Sơn	29/5/1993		Tày	ĐH	Luật	Vừa làm vừa học	Trung bình khá	DTTS	0/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
160	30	423	Dương Công Đức	13/7/1998		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	26/60	
161	31	424	Lành Mỹ Phượng		12/7/2001	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
162	32	425	Hà Duy Ngọc	11/6/2002		Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
163	33	426	Trần Thị Thùy Trang		13/8/1990	Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá		25/60	
164	34	427	Dương Thanh Nhiệm		18/8/1997	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
165	35	428	Lý Thị Chiêu		21/3/1998	Nùng	ĐH	Luật	Liên thông	Khá	DTTS	27/60	
166	36	429	Đỗ Văn Hiền	24/9/1999		Nùng	ĐH	Kinh tế quốc tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	38/60	
167	37	430	Lâm Quỳnh Trang		30/4/2002	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	32/60	
168	38	431	Nguyễn Hồng Nhung		04/3/1999	Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá		25/60	
169	39	432	Đỗ Hồng Ngọc		12/5/1999	Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá		0/60	
170	40	433	Phùng Ngọc Trâm		08/02/2000	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	25/60	
171	41	434	Hà Văn Khiêm	18/7/2000		Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
172	42	435	Linh Phương Thảo		30/6/2001	Nùng	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	27/60	
173	43	436	Quách Khánh Linh		19/7/1998	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	24/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
174	44	437	Bùi Thị Minh Đan		15/10/2003	Mường	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	20/60	
175	45	438	Dương Văn Anh	22/01/1992		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
	VIII	Phòng Nghiệp vụ V											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về công tác thanh tra											
176	1	439	Vũ Thị Hồng Giang		11/11/2002	Nùng	ĐH	Kinh tế quốc tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	22/60	
177	2	440	Hoàng Thị Thanh Huyền		23/5/1998	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
178	3	441	Trần Tuấn Anh	28/11/2000		Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
179	4	442	Hứa Hùng Tráng	15/8/2000		Nùng	ĐH	Kinh tế quốc tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	33/60	
180	5	443	Hoàng Thùy Linh		08/9/2001	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi	DTTS	36/60	
181	6	444	Hoàng Thị Trà		20/3/2000	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
182	7	445	Mã Thị Ly		24/10/1997	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
183	8	446	Hoàng Lan Hương		28/12/1996	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
184	9	447	Hà Thị Diệu Hồng		01/10/1999	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
185	10	448	Dương Nguyệt Hà		13/3/2001	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
186	11	449	Nguyễn Thị Phương Dung		29/8/2003	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi	DTTS	25/60	
187	12	450	Nguyễn Thu Phương		10/6/1998	Tày	ĐH	Kế toán	Vừa làm vừa học	Giỏi	DTTS	0/60	
188	13	451	Mông Thành Nghĩa	05/9/1998		Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	
189	14	452	Hoàng Thị Hoa		10/4/2000	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	
190	15	453	Luân Thị Thắm		03/10/1990	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	25/60	
191	16	454	Nông Thị Nhân Quý		03/12/2002	Tày	ĐH	Kinh tế quốc tế	Chính quy	Khá	DTTS	37/60	
192	17	455	Đặng Thu Hoài		13/10/1987	Nùng	ĐH	Kế toán	Vừa làm vừa học	Khá	DTTS	35/60	
193	18	456	Hoàng Thị Tuyết Mai		19/7/2002	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Xuất sắc	DTTS	0/60	
194	19	457	Vũ Hải Yến		29/5/2002	Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi		21/60	
195	20	458	Nguyễn Phương Thu		02/9/2001	Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi		31/60	
196	21	459	Đàm Văn Độ	20/3/1985		Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	38/60	
197	22	460	Nông Cửu Long	05/9/1988		Nùng	ĐH	Kế toán	Vừa làm vừa học	Trung bình khá	DTTS	29/60	
198	23	461	Vi Thị Ngọc Anh		05/6/1991	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
199	24	462	Ma Hồng Hạnh		21/01/2002	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	39/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
200	25	463	Nguyễn Hoài Nam	20/11/1990		Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá		26/60	
201	26	464	Hoàng Thị Phương Thảo		09/6/1998	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	40/60	
202	27	465	Dương Hồng Diệp		24/3/1985	Tày	ĐH	Kế toán	Vừa làm vừa học	Trung bình	DTTS	23/60	
203	28	466	Nguyễn Hoàng Cát Hải	17/3/2000		Tày	ĐH	Kinh tế quốc tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
204	29	467	Nông Hồng Hạnh		16/6/2003	Tày	ĐH	Kinh tế quốc tế	Chính quy	Khá	DTTS	21/60	
205	30	468	Hoàng Lương Dung		18/6/2002	Nùng	ĐH	Kinh tế quốc tế	Chính quy	Khá	DTTS	20/60	
206	31	469	Hoàng Thu Ngân		24/02/1998	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	40/60	
207	32	470	Hoàng Thị Thủy An		16/9/1987	Tày	ĐH	Kế toán	Vừa làm vừa học	Trung bình khá	DTTS	0/60	
208	33	471	Vũ Thị Hòa		03/9/1985	Kinh	ĐH	Kế toán	Vừa làm vừa học	Trung bình khá		0/60	
	IX	Phòng Nghiệp vụ VI											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về công tác thanh tra											
209	1	472	Nguyễn Mai Hương		09/8/2002	Tày	ĐH	Dược học	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
210	2	473	Phùng Ngọc Thùy Linh		04-01-2001	Kinh	ĐH	Dược học	Chính quy	Khá		37/60	
211	3	474	Trịnh Hương Giang		05/4/1999	Tày	ĐH	Dược sĩ	Chính quy	Khá	DTTS	36/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
212	4	475	Nguyễn Thị Mai Lan		10/10/1994	Tày	ĐH	Dược sĩ	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
213	5	476	Bùi Đức Trọng	28/4/1999		Kinh	ĐH	Dược học	Chính quy	Khá		31/60	
214	6	477	Phạm Phúc Anh	16/11/1995		Kinh	ĐH	Dược học	Chính quy	Trung bình khá		0/60	
215	7	478	Triệu Phúc Mạnh	04/5/2001		Nùng	ĐH	Y khoa	Chính quy	Giỏi	DTTS	33/60	
216	8	479	Nguyễn Thị Biên		15/3/1993	Tày	ĐH	Dược học	Chính quy	Giỏi	DTTS	27/60	
217	9	480	Hoàng Thuý Phương		14/12/2000	Nùng	ĐH	Dược học	Chính quy	Khá	DTTS	32/60	
218	10	481	Lý Thị Nhung		15/8/2001	Nùng	ĐH	Y khoa	Chính quy	Khá	DTTS	41/60	
219	11	482	Triệu Văn Nhân	13/01/1998		Dao	ĐH	Y khoa	Chính quy	Trung bình	DTTS	29/60	

Tổng số 219 thí sinh./.

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH LẠNG SƠN VÒNG 1 NĂM 2025

Tên cơ quan, đơn vị: **Sở Tài chính**

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày /01/2026 của Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2025)

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
0	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	I	Phòng Quản lý ngân sách											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về quản lý ngân sách nhà nước											
1	1	483	Lương Văn Đức	10/3/1998		Tày	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Trung bình	DTTS	29/60	
2	2	484	Phạm Thị Hải Yến		17/4/2002	Kinh	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Xuất sắc		41/60	
3	3	485	Ngô Thị Mơ		10/09/1996	Kinh	ĐH	Kế toán - kiểm toán	Chính quy	Khá		0/60	
4	4	486	Vì Ngọc Bình	25/11/1999		Tày	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
5	5	487	Nguyễn Hồng Ngọc		24/07/1994	Kinh	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Trung bình		0/60	
6	6	488	Nguyễn Vũ Hồng Hải		21/01/2003	Kinh	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Giỏi		35/60	
7	7	489	Hoàng Thiên Trung	16/09/1997		Tày	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
8	8	490	Vì Khánh Linh		15/12/2002	Tày	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Giỏi	DTTS	31/60	
9	9	491	Nguyễn Hoàng Phong	13/09/2003		Tày	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Khá	DTTS	18/60	
10	10	492	Nguyễn Quang Trung	26/9/1996		Kinh	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Khá		26/60	
11	11	493	Vy Phương Nguyên		23/10/1990	Tày	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy liên thông	Khá	DTTS	30/60	

[illegible]

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về quản lý tài sản công											
24	1	506	Hoàng Huyền Thương		03/02/2002	Tày	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	
25	2	507	Lương Vĩnh Hoàng	05/09/1994		Nùng	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Trung bình	DTTS	26/60	
26	3	508	Ngô Thuỷ Chi		18/4/1998	Nùng	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Khá	DTTS	26/60	
27	4	509	Trần Lê Thanh Trúc		22/09/1999	Kinh	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Khá		40/60	
28	5	510	Hoàng Thị Âm		15/09/1993	Tày	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Khá	DTTS	25/60	
29	6	511	Nguyễn Phương Mai		09/10/2002	Kinh	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Xuất sắc		0/60	
30	7	512	Phạm Thanh Ngân		21/05/1996	Kinh	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Trung bình		27/60	
31	8	513	Trần Thị Phương Chi		15/09/2002	Sán Diu	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Giỏi	DTTS	30/60	
32	9	514	Tạ Ngọc Thái	20/12/1996		Tày	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
33	10	515	Hứa Phương Diệp		11/02/2003	Nùng	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Giỏi	DTTS	34/60	
34	11	516	Đinh Thị Liên		27/03/2003	Tày	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Khá	DTTS	13/60	
35	12	517	Phạm Thị Lệ Giang		08/01/1992	Tày	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Khá	DTTS	36/60	
36	13	518	Phạm Khánh Huyền		08/06/1998	Kinh	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Khá		25/60	
37	14	519	Lương Thị Ngọc Quỳnh		08/03/2003	Tày	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Khá	DTTS	33/60	
38	15	520	Nguyễn Thu Ngân		17/10/1996	Kinh	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Khá		28/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
39	16	521	Nguyễn Hoàng Long	20/11/2001		Tày	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Khá	DTTS	20/60	
40	17	522	Hoàng Trang Nguyên	20/04/1992		Tày	ĐH	Quản lý tài chính công	Chính quy	Trung bình khá	DTTS	26/60	
41	18	523	Triệu Thị Diệu		17/07/1997	Nùng	ĐH	Quản lý Tài chính công	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
42	19	524	Vũ Mỹ Linh		11/01/1995	Kinh	ĐH	Quản lý tài chính công	Chính quy	Khá		0/60	
43	20	525	Lê Hoàng Phi	11/12/2001		Tày	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Khá	DTTS	21/60	
	III	Phòng Tài chính đầu tư											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về quản lý tài chính đầu tư											
44	1	526	Đồng Lan Hương		09/01/1995	Kinh	Ths	Kinh tế xây dựng	Chính quy			38/60	
45	2	527	Linh Quang Phong	25/08/1998		Nùng	ĐH	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Trung bình	DTTS	29/60	
46	3	528	Đỗ Nhật Cường	12/06/2002		Kinh	ĐH	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Khá		34/60	
47	4	529	Hoàng Minh Tuấn	09/06/1998		Tày	ĐH	Kinh tế xây dựng	Chính quy	Trung bình	DTTS	33/60	
48	5	530	Hoàng Hiếu Ngân		11/05/2002	Kinh	ĐH	Tài chính công	Chính quy	Giỏi		28/60	
49	6	531	Tổng Trần Lệ Chi		22/07/2002	Kinh	ĐH	Quản lý tài chính công	Chính quy	Khá		0/60	
50	7	532	Vi Tiến Đạt	23/11/2003		Tày	ĐH	Quản lý Tài chính công	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
51	8	533	Chu Thị Yến		07/11/1993	Nùng	ĐH	Quản lý xây dựng	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
52	9	534	Đàm Thị Huệ		14/11/1997	Nùng	ĐH	Quản lý Tài chính công	Chính quy	Khá	DTTS	36/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
	IV	Phòng Quản lý đầu tư công											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về quản lý đầu tư											
53	1	535	Nguyễn Thị Thanh Tâm		30/03/2003	Tày	ĐH	Kinh tế Đầu tư	Chính quy	Xuất sắc	DTTS	31/60	
54	2	536	Nguyễn Công Hoà	11/07/1988		Tày	ĐH	Kinh tế Đầu tư	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	
55	3	537	Hoàng Văn Vương	28/02/1998		Tày	ĐH	Kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Trung bình	DTTS	38/60	
56	4	538	Nông Đặng Minh Châu		23/12/2002	Tày	ĐH	Kinh tế đầu tư	Chính quy	Giỏi	DTTS	31/60	
57	5	539	Hứa Thị Mai Thùy		10/11/2002	Nùng	ĐH	Kinh tế đầu tư	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	
58	6	540	Chu Thị Chanh		09/05/1997	Nùng	ĐH	Kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Trung bình khá	DTTS	0/60	
59	7	541	Phạm Thu Trang		06/01/2001	Kinh	ĐH	Kinh tế đầu tư tài chính	Chính quy	Khá		30/60	
60	8	542	Hoàng Phương Liên		29/12/2001	Tày	ĐH	Kỹ thuật công trình xây dựng	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
61	9	543	Vũ Ngọc Hà		24/08/1996	Kinh	ĐH	Quản lý tài chính công	Chính quy	Khá		35/60	
62	10	544	Vi Hồng Ngọc		25/07/2003	Nùng	ĐH	Quản lý tài chính công	Chính quy	Khá	DTTS	32/60	
63	11	545	Lý Thu Thảo		30/03/1992	Cao Lan	ĐH	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
	V	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về quản lý kinh tế đối ngoại											
64	1	546	Liễu Thị Phụng		09/11/2001	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
65	2	547	Hoàng Thị Quỳnh Hương		08/12/2002	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
66	3	548	Hà Bích Diệp		10/09/2001	Nùng	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
67	4	549	Hoàng Khánh Hòa	05/09/1998		Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Trung bình khá	DTTS	35/60	
68	5	550	Lương Bích Huệ		09/02/1994	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
69	6	551	Bế Minh Tuấn	08/11/1993		Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
70	7	552	Hoàng Thị Huyền Trang		13/07/1995	Nùng	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
71	8	553	Đinh Thị Nhung		30/04/2000	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
72	9	554	Đào Thị Diệu Ly		14/11/2003	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Xuất sắc		0/60	
	VI	Phòng Tổng hợp Kinh tế xã hội											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp											
73	1	555	Nguyễn Chu Linh Chi		28/10/2001	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	25/60	
74	2	556	Nguyễn Thị Lan		22/03/2001	Tày	ĐH	Quản lý Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	32/60	
75	3	557	Hoàng Thị Thu Thảo		08/8/2002	Nùng	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	31/60	
76	4	558	Bàn Thị Hương		26/04/2000	Dao	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
77	5	559	Nguyễn Lương Thái Tân	07/04/2002		Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Xuất sắc		31/60	
78	6	560	Linh Thị Vui		03/04/1993	Nùng	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
79	7	561	Hà Thị Kiều Uyên		03/6/1997	Tày	ĐH	Quản lý kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
80	8	562	Bạch Ngọc Phương Trà		07/05/1999	Tày	ĐH	Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	38/60	
81	9	563	Vì Hà Anh		28/07/2003	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	35/60	
82	10	564	Trần Quang Huy	11/03/2002		Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
83	11	565	Nguyễn Chúc Quỳnh		24/12/1994	Kinh	Ths	Quản lý Kinh tế	Chính quy			41/60	
84	12	566	Nguyễn Trọng Hùng	27/11/2001		Kinh	ĐH	Kinh tế đối ngoại	Chính quy	Giỏi		45/60	
85	13	567	Mạc Văn Huy	29/03/1989		Nùng	ĐH	Quản lý kinh tế	Chính quy	TB khá	DTTS	34/60	
	VII	Phòng Đăng ký kinh doanh											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về quản lý tài chính doanh nghiệp											
86	1	568	Hà Thu Trang		29/08/2003	Tày	ĐH	Tài chính ngân hàng	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	
87	2	569	Vũ Khánh Ngân		13/08/2003	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
88	3	570	Hoàng Thị Anh Thu		09/08/2003	Nùng	ĐH	Tài chính ngân hàng	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
89	4	571	Hoàng Thị Vân		16/03/1993	Tày	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Trung bình	DTTS	27/60	
90	5	572	Nguyễn Quang Duy	20/04/2003		Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá		20/60	
91	6	573	Vì Mai Linh		28/07/2003	Tày	ĐH	Tài chính ngân hàng	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
92	7	574	Lương Thế Tài	08/03/2003		Tày	ĐH	Tài chính ngân hàng	Chính quy	Khá	DTTS	20/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
93	8	575	Hà Hoàng Phương		14/10/2003	Nùng	ĐH	Tài chính ngân hàng	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
94	9	576	Vũ Thị Quỳnh Hoa		13/05/2001	Kinh	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Giỏi		32/60	
95	10	577	Mã Thị Chuyên		08/01/2004	Nùng	ĐH	Tài chính ngân hàng	Chính quy	Giỏi	DTTS	33/60	
96	11	578	Trần Ngân Anh		05/10/1993	Kinh	ĐH	Tài chính ngân hàng	Chính quy	Trung bình		0/60	
97	12	579	Nguyễn Khắc Hữu Thắng	12/11/2002		Kinh	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Khá		29/60	
98	13	580	Lô Thanh Tú		06/10/2003	Nùng	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Giỏi	DTTS	31/60	
99	14	581	Vy Hồng Vân		17/8/1998	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	
100	15	582	Nguyễn Quỳnh Chi		28/08/2003	Kinh	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Khá		24/60	
101	16	583	Nguyễn Thị Hương		23/11/2002	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi	DTTS	21/60	
102	17	584	An Phương Chi		05/12/2003	Tày	ĐH	Kế toán - kiểm toán	Chính quy	Khá	DTTS	40/60	
103	18	585	Lê Xuân Trà		05/12/2002	Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá		23/60	
104	19	586	Lê Thị Hải Hà		29/3/1994	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
105	20	587	Lưu Tuấn Nghĩa	14/01/1996		Nùng	ĐH	Tài chính ngân hàng	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	
106	21	588	Nông Thị Kiều Oanh		02/04/2001	Tày	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
107	22	589	Hoàng Thị Na		22/01/2000	Tày	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
108	23	590	Hoàng Phương Thảo		10/02/1989	Tày	ĐH	Kế toán	Vừa học vừa làm	TB khá	DTTS	0/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
109	24	591	Dương Hà Thu Hương		20/08/2003	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi	DTTS	22/60	
110	25	592	Chu Thị Hải Yến		18/02/1992	Tày	ĐH	Tài chính - ngân hàng	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
111	26	593	Phạm Thùy Dương		29/10/2003	Kinh	ĐH	Tài chính doanh nghiệp	Chính quy	Giỏi		34/60	
112	27	594	Triệu Thị Hạnh		12/10/1988	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	32/60	
113	28	595	Lý Hoàng Diệp		26/09/2000	Tày	ĐH	Tài chính ngân hàng	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	
114	29	596	Hoàng Thị Hào		24/6/1999	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	23/60	
115	30	597	Chu Hoàng Sơn	12/8/2003		Nùng	ĐH	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Khá	DTTS	36/60	
116	31	598	Nguyễn Thị Thu Hiền		23/3/1999	Kinh	ThS	Tài chính - Ngân hàng	Chính quy			27/60	
	VIII	Văn phòng											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về Pháp chế											
117	1	599	Mã Thị Hồng Hạnh		24/10/1998	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	26/60	
118	2	600	Lộc Thị Vân Anh		20/04/2001	Nùng	ĐH	Luật thương mại quốc tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	36/60	
119	3	601	Bế Thị Thư		28/08/1999	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	36/60	
120	4	602	Hoàng Thị Phương Anh		21/10/1999	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	
121	5	603	Hoàng Văn Hoàn	30/12/1988		Tày	ĐH	Luật	Từ xa	Khá	DTTS	24/60	
122	6	604	Lý Thị Diễm		28/08/2000	Dao	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	22/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
123	7	605	Bê Tiểu Phương		19/11/2001	Tày	ĐH	Luật kinh doanh	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	
124	8	606	Nông Thị Mai		13/08/2000	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	19/60	
125	9	607	Nông Thị Duyên		14/03/2000	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	
126	10	608	Hoàng Văn Tài	06/09/2003		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	26/60	
127	11	609	Phạm Cao Phương Anh		03/3/2002	Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi		33/60	
128	12	610	Trần Hoàng Long	12/06/2000		Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi		0/60	
129	13	611	Lâm Tú Ngọc		30/6/2001	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	33/60	
130	14	612	Nông Phương Trang		27/08/1999	Tày	ĐH	Luật học	Chính quy	Khá	DTTS	33/60	
131	15	613	Lăng Thùy Trang		27/11/1997	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	41/60	
132	16	614	Ngô Minh Trang		03/11/2002	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
133	17	615	Lương Thị Hà Phương		06/06/1993	Tày	Ths	Luật học	Chính quy		DTTS	35/60	
134	18	616	Lưu Thị Phương Thanh		19/11/2002	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
135	19	617	Phan Ngô Sơn Thái	28/06/1999		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	22/60	
136	20	618	Hoàng Thị Kim Anh		13/03/1998	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	
137	21	619	Hoàng Thành Long	17/07/2001		Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Trung bình	DTTS	24/60	
138	22	620	Linh Thị Loan		09/07/1997	Nùng	ĐH	Luật học	Chính quy	Khá	DTTS	24/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/ Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
139	23	621	Nguyễn Thị Phương Mai		15/12/1995	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình		41/60	
140	24	622	Lê Thị Minh Anh		18/03/1999	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
141	25	623	Long Thị Nguyệt		14/04/1999	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	32/60	
142	26	624	Ngô Thị Tuyền		16/09/1998	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	36/60	
143	27	625	Vương Thùy Dung		18/12/1992	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	40/60	
144	28	626	Dương Lộc Công Hiếu	06/08/1999		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
145	29	627	Nguyễn Trọng Hiền	17/04/1995		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		0/60	
146	30	628	Nguyễn Phương Mai		20/1/1998	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
147	31	629	Triệu Việt Anh		13-4-2002	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	
148	32	630	Dương Văn Khải	26/2/1996		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
149	33	631	Nguyễn Thị Kỳ		27/12/2003	Tày	ĐH	Luật kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	
150	34	632	Diệp Trọng Sang	12/4/1999		Sán Diu	ĐH	Luật học	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	

Tổng số 150 thí sinh./.

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH LẠNG SƠN VÒNG 1 NĂM 2025

Tên cơ quan, đơn vị: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày /01/2026 của Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2025)

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
0	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	I	Phòng Quản lý Thông tin, Báo chí và Gia đình											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở											
1	1	633	Nguyễn Mạnh Dũng	23/6/1994		Kinh	ĐH	Công nghệ thông tin	Chính quy	Trung bình		28/60	
2	2	634	Tiến Văn Hoàn	05/11/1988		Kinh	ĐH	Công nghệ thông tin	Chính quy	Khá		0/60	
3	3	635	Đỗ Thị Mơ		26/3/1992	Kinh	ĐH	Công nghệ thông tin	Chính quy	Khá		0/60	
4	4	636	Hoàng Bích Ngọc		04/5/1999	Tày	ĐH	Công nghệ thông tin	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
5	5	637	Đặng Minh Dương	05/10/1999		Kinh	ĐH	Công nghệ thông tin	Chính quy	Giỏi		23/60	
6	6	638	Lý Văn Nghiệp	16/8/1999		Nùng	ĐH	Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
7	7	639	Hoàng Văn Thư	22/9/1991		Tày	ĐH	Công nghệ điện tử, viễn thông	Chính quy	Trung bình	DTTS	30/60	
8	8	640	Lương Thanh Hải	01/02/1989		Tày	ĐH	Công nghệ điện tử, viễn thông	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	

Tổng số 08 thí sinh./.

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH LẠNG SƠN VÒNG 1 NĂM 2025

Tên cơ quan, đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày /01/2026 của Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2025)

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
0	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	I	Phòng Quản lý Đất đai											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về đo đạc và bản đồ											
1	1	641	Trần Quốc Đạt	12/4/1994		Kinh	ĐH	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Chính quy	Trung bình		39/60	
2	2	642	Tô Anh Dũng	16/10/1990		Kinh	ĐH	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Chính quy	Trung bình khá		0/60	
	II	Phòng Quản lý Môi trường và Khoáng sản											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về khoáng sản											
3	1	643	Bùi Văn Trang	29/9/1993		Kinh	ĐH	Kỹ thuật mỏ	Chính quy	Trung bình		33/60	
4	2	644	Cao Văn Hùng	24/02/1990		Kinh	ĐH	Kỹ thuật địa chất	Chính quy	Khá		24/60	
5	3	645	Lô Văn Thương	20/01/1984		Nùng	ĐH	Địa chất công trình- Địa kỹ thuật	Vừa học vừa làm	Trung bình	DTTS	29/60	
	III	Chi cục Kiểm lâm											
	a	Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên; Vị trí việc làm tuyển dụng: Kiểm lâm viên											
6	1	646	Trương Đức Việt	17/9/2003		Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá		29/60	
7	2	647	Nông Ngọc Lan		27/01/1992	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
8	3	648	Trương Thùy Linh		26/02/1999	Kinh	ThS	Quản lý đất đai	Chính quy	Điểm TB: 3,53/4		32/60	
9	4	649	Nguyễn Thị Hà		30/3/1995	Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	39/60	
10	5	650	Vy Thị Trang Nhung		09/8/1993	Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
11	6	651	Lương Hồng Nương		03/4/1995	Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	
12	7	652	Nguyễn Thị Trà My		06/9/2002	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	
13	8	653	Hoàng Thị Soan		19/6/1998	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	22/60	
14	9	654	Dương Minh Hoàn	01/9/1993		Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình		20/60	
15	10	655	Vì Thị Lan Uyên		15/12/1996	Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	33/60	
16	11	656	Nguyễn Diệu Thời		23/6/1998	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	28/60	
17	12	657	Dương Thị Mỹ Hạnh		01/6/1987	Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Vừa học vừa làm	Khá	DTTS	0/60	
18	13	658	Ngô Thảo Nguyên		18/02/2002	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
19	14	659	Nông Văn Huân	28/01/1992		Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
20	15	660	Nguyễn Duy Khánh	26/12/1992		Tày	ĐH	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	
	b	Hạt Kiểm lâm khu vực Lộc Bình; Vị trí việc làm tuyển dụng: Kiểm lâm viên											
21	1	661	Vì Mạnh Cường	09/10/1991		Tày	ThS	Quản lý đất đai	Chính quy	Điểm TB 7,81	DTTS	25/60	
22	2	662	Hoàng Thị Ngọc Nga		08/3/2003	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	21/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
23	3	663	Lê Thị Vân		10/10/1992	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá		28/60	
24	4	664	Đình Hồng Nguyên	18/3/1999		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	21/60	
25	5	665	Trần Đại Nhân	22/9/1994		Kinh	ĐH	Lâm nghiệp	Chính quy	Trung bình		0/60	
26	6	666	Đình Thủy Hòa		20/7/1996	Kinh	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình		0/60	
27	7	667	Đặng Bích Ngọc		03/10/2003	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		31/60	
28	8	668	Đình Thị Thùy Trang		14/8/2003	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
29	9	669	Hoàng Văn Quân	01/8/1997		Nùng	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
30	10	670	Lâm Thị Vượng		19/8/1996	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	39/60	
31	11	671	Tô Thái Tuấn	08/12/1999		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		23/60	
32	12	672	Lăng Quốc Huy	22/8/1999		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình khá	DTTS	22/60	
33	13	673	Chu Thị Mỹ Hồng		16/12/2000	Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Giỏi		28/60	
34	14	674	Lành Thị Thúy		12/10/1992	Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
35	15	675	Đình Đức Tuấn	02/10/2002		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	23/60	
36	16	676	Tằng Thị Gái		30/8/1993	Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
37	17	677	Mai Việt Đoàn	01/01/1996		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
	c	Hạt Kiểm lâm khu vực Chi Lăng; Vị trí việc làm tuyển dụng: Kiểm lâm viên											

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
38	1	678	Nông Phương Thảo		07/01/2002	Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	Con thương binh, DTTS	21/60	
39	2	679	Trịnh Ngọc Huy	20/9/1998		Kinh	ĐH	Luật	Chính quy	Khá		26/60	
40	3	680	Lý Thị Chuyền		09/7/1992	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
41	4	681	Hoàng Văn Trung	03/5/1995		Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình	DTTS	25/60	
42	5	682	Trương Thị Hằng		16/12/1996	Nùng	ĐH	Lâm nghiệp	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
43	6	683	Hoàng Thị Trâm		27/12/2001	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	Con thương binh, DTTS	33/60	
44	7	684	Lý Thu Thảo		23/4/1995	Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	18/60	
45	8	685	Nông Thu Hằng		04/6/1998	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	20/60	
46	9	686	Vi Văn Đốc	01/11/1995		Nùng	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	
47	10	687	Nông Thị Kiều Nương		23/5/1994	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	
48	11	688	Lê Hoàng Long	24/12/2001		Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	18/60	
49	12	689	Hoàng Thị Sơn		08/12/1990	Tày	ĐH	Luật	Vừa làm vừa học	Khá	DTTS	22/60	
50	13	690	Triệu Thị Dương		24/03/1995	Nùng	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	26/60	
51	14	691	Hoàng Bảo Thượng	14/10/1998		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	41/60	
52	15	692	Nguyễn Thị Duyên		16-03-1995	Tày	ThS	Lâm nghiệp	Chính quy		DTTS	26/60	
53	16	693	Dương Văn Kháng	29/7/1990		Nùng	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
	d	Hạt Kiểm lâm khu vực Văn Lãng; Vị trí việc làm tuyển dụng: Kiểm lâm viên											
54	1	694	Lê Lưu Lợi	25/8/1996		Tày	ĐH	Lâm nghiệp	Chính quy	Khá	DTTS	37/60	
55	2	695	Lục Thị Thu Hoài	09/11/1997		Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	
56	3	696	Hà Quang Vinh	20/6/2002		Tày	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Chính quy	Giỏi	DTTS	27/60	
57	4	697	Nông Thị Xâm		10/10/1997	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
58	5	698	Hoàng Văn Doanh	15/3/1995		Tày	ĐH	Lâm nghiệp	Chính quy	Khá	DTTS	41/60	
59	6	699	Lý Thị Hằng		25/4/2002	Dao	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	
60	7	700	Hoàng Quang Lập	27/11/1988		Tày	ĐH	Luật	Vừa làm vừa học	Khá	DTTS	19/60	
61	8	701	Hoàng Tuấn Vũ	05/01/1996		Nùng	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
62	9	702	Hoàng Gia Thiệu	05/01/1990		Tày	ĐH	Luật	Vừa làm vừa học	Khá	DTTS	0/60	
63	10	703	Lý Thị Huệ		16/8/2002	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	26/60	
64	11	704	Triệu Hồng Hà		15/9/1995	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
65	12	705	Nông Văn Lưu	19/10/1992		Tày	ĐH	Lâm nghiệp	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
66	13	706	Nông Thị Hương Ly		05/10/2000	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	
67	14	707	Triệu Thị Hoan		27/6/1995	Tày	ĐH	Lâm sinh	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
68	15	708	Hoàng Thị Bông		05/02/1995	Tày	ĐH	Lâm sinh	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
69	16	709	La Thị Như		11/01/1991	Nùng	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
70	17	710	Nông Xuân Hậu	12/7/1992		Nùng	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
71	18	711	Hà Thị Hồng Thắm		15/3/1997	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
72	19	712	Hà Thu Hồng		29/11/1999	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
73	20	713	Nông Mạnh Đức	01/12/1992		Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
74	21	714	Dương Minh Thuận	01/8/1995		Tày	ĐH	Lâm sinh	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
75	22	715	Ngân Thị Hoài Xinh		29/10/1994	Tày	ĐH	Lâm sinh	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	
76	23	716	Đào Tuấn Vũ	22/5/1988		Kinh	ĐH	Nông lâm kết hợp	Chính quy	Trung bình khá		23/60	
	e	Hạt Kiểm lâm khu vực Văn Quan; Vị trí việc làm tuyển dụng: Kiểm lâm viên											
77	1	717	Mỗ Văn Kiên	19/01/1990		Nùng	ĐH	Luật	Học từ xa	Trung bình khá	DTTS	0/60	
78	2	718	Từ Thị Thảo		08/12/1994	Nùng	ĐH	Lâm sinh	Chính quy	Khá	DTTS	23/60	
79	3	719	Hà Huy Hoàng	20/10/1990		Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	22/60	
80	4	720	Nông Thị Ngọc Diệp		24/3/1999	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
81	5	721	La Thu Huyền		23/5/2000	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	33/60	
82	6	722	Linh Ngọc Khanh	19/02/2001		Tày	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	26/60	
83	7	723	Hoàng Văn Hưng	03/04/1994		Nùng	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Chính quy	Khá	DTTS	25/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
84	8	724	Hứa Kim Chi		01/01/2000	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
85	9	725	Triệu Xuân Trường	03/7/2001		Nùng	ĐH	Lâm sinh	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	
86	10	726	Hoàng Diệu Linh		11/06/1993	Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
87	11	727	Hà Thị Lan Hương		21/11/1998	Nùng	ĐH	Luật	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
88	12	728	Vì Thị Thương		16/8/1995	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	25/60	
89	13	729	Hoàng Việt Đức	12/11/1995		Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Vừa làm vừa học	Khá	DTTS	19/60	
90	14	730	Hoàng Văn Định	15/2/1990		Tày	ĐH	Quản lý tài nguyên rừng	Chính quy	Trung bình	DTTS	33/60	
91	15	731	Đình Trọng Nghĩa	29/9/2001		Tày	ĐH	Lâm sinh	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
92	16	732	Lành Như Quỳnh		25/9/2002	Nùng	ĐH	Quản lý đất đai	Chính quy	Khá	DTTS	19/60	
93	17	733	Hoàng Văn Hành	20/3/1991		Tày	ĐH	Luật	Chính quy	Trung bình	DTTS	0/60	

Tổng số 93 thí sinh./.

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH LẠNG SƠN VÒNG 1 NĂM 2025

Tên cơ quan, đơn vị: Sở Ngoại vụ

(Kèm theo Thông báo số /TB-HDTD ngày /01/2026 của Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2025)

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
0	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	I	Phòng Lãnh sự - Quản lý biên giới											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về biên giới, lãnh thổ quốc gia											
1	1	734	Bê Hương Ly		05/11/2003	Tày	ĐH	Luật Quốc tế	Chính quy	Khá	DTTS	25/60	
2	2	735	Hoàng Anh Thơ		14/8/2002	Nùng	ĐH	Quan hệ quốc tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	36/60	
3	3	736	Hoàng Thị Na		30/9/2002	Tày	ĐH	Quan hệ quốc tế	Chính quy	Khá	DTTS	36/60	
4	4	737	Trần Thùy Trang		04/12/2000	Kinh	ĐH	Luật Quốc tế	Chính quy	Khá		0/60	
5	5	738	Đồng Thị Ngọc Hiền		28/02/2003	Tày	ĐH	Quan hệ quốc tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	41/60	
6	6	739	Hứa Vân Quỳnh		13/9/2002	Nùng	ĐH	Luật Quốc tế	Chính quy	Khá	DTTS	17/60	
	b	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về biên giới, lãnh thổ quốc gia											
7	1	740	Chu Thanh Dung		20/7/1998	Tày	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chính quy	Trung bình khá	DTTS	20/60	
8	2	741	Hoàng Thị Yến		07/8/2000	Tày	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chính quy	Khá	DTTS	37/60	
9	3	742	Vì Hoàng Thương Thương		09/11/1986	Tày	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Liên thông Đại học	Khá	DTTS	25/60	
10	4	743	Hà Giang Oanh		16/8/2001	Nùng	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chính quy	Khá	DTTS	31/60	
11	5	744	Nông Thu Hằng		04/7/1998	Tày	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chính quy	Giỏi	DTTS	28/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
12	6	745	Triệu Thị Tuyết		27/12/1999	Nùng	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chính quy	Khá	DTTS	43/60	
13	7	746	Hà Ngọc Thương		25/5/2000	Tày	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Trực tiếp	Giỏi	DTTS	24/60	
14	8	747	Nông Ánh Thơ		17/11/2002	Nùng	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chính quy	Giỏi	DTTS	35/60	
15	9	748	Triệu Thúy Mai		05/3/2000	Dao	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chính quy	Giỏi	DTTS	30/60	
	II	Hợp tác Quốc tế -Văn phòng											
	a	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về ngoại giao nhà nước											
16	1	749	Nguyễn Thị Ngọc		17/7/2000	Kinh	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chính quy	Khá		24/60	
17	2	750	Nguyễn Anh Thơ		09/8/2001	Tày	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chính quy	Khá	DTTS	43/60	
18	3	751	Lương Thị Lan Hương		31/3/2001	Tày	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
19	4	752	Phùng Thị Mai Oanh		08/01/2003	Nùng	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	
20	5	753	Hoàng Hồng Ngọc		08/7/1999	Tày	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	
21	6	754	Lăng Thị Vương		27/5/2001	Nùng	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chính quy	Khá	DTTS	29/60	
22	7	755	Nông Thuý Nhi		11/10/1998	Nùng	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chính quy	Khá	DTTS	34/60	
23	8	756	Nông Thị Cẩm Hường		04/10/1998	Nùng	ĐH	Ngôn ngữ Trung Quốc	Vừa học vừa làm	Giỏi	DTTS	22/60	
24	9	757	Ngô Thị Vân Anh		16/8/2000	Tày	ĐH	Tiếng Trung Quốc	Chính Quy		DTTS	0/60	
25	10	758	Trần Thị Huyền		18/09/2000	Nùng	ĐH	Ngôn ngữ và văn học Trung Quốc	Chính quy		DTTS	25/60	
26	11	759	Nguyễn Thị Thuỷ Tiên		23-10-2000	Kinh	ĐH	Ngôn ngữ và văn học Trung Quốc	Chính quy	Đạt		25/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
27	12	760	Nông Thị Mai Anh		02/6/1998	Tày	ĐH	Ngôn ngữ và văn học Hán	Chính quy	giỏi	DTTS	0/60	
	b	Vị trí việc làm tuyển dụng: Chuyên viên về công tác pháp chế											
28	1	761	Đỗ Khánh Huyền		09/7/2002	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	32/60	
29	2	762	Hà Lan Phương		18/12/2000	Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá		35/60	
30	3	763	Lê Hoàng Dũng	28/3/1995		Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá		40/60	
31	4	764	Vi Diệp Thương		26/9/1995	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
32	5	765	Và A Kía	10/6/1990		Hmong	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
33	6	766	Ngô Minh Quỳnh		04/12/1998	Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy (VB2)	Khá		36/60	
34	7	767	Vy Ngọc Hạ		09/8/2000	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
35	8	768	Ma Nguyên Hạ		31/10/1999	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	33/60	
36	9	769	Lục Thị Mai Huế		25/4/2003	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	34/60	
37	10	770	Phạm Hùng Việt	14/3/2003		Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	43/60	
38	11	771	Phan Văn Tân	13/01/2001		Nùng	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	34/60	
39	12	772	Ngô Minh Ngọc		14/7/2002	Kinh	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi		36/60	
40	13	773	Hoàng Thuỳ Linh		12/01/2001	Kinh	ĐH	Luật Hiến pháp và Luật hành chính	Chính quy	Giỏi		28/60	
41	14	774	Nguyễn Thu Hoài		13/02/2001	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
42	15	775	Nông Thị Thanh Nga		26/9/1995	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Trung bình	DTTS	36/60	
43	16	776	Vy Thị Thu Hà		09/10/2001	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Giỏi	DTTS	0/60	
44	17	777	Trần Thị Vân Anh		22/6/1995	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	27/60	
45	18	778	Dương Thị Thuý Quyên		11/7/1995	Tày	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
46	19	779	Mã Huyền Anh		01/12/2002	Nùng	ĐH	Luật Kinh tế	Chính quy	Khá	DTTS	24/60	
	c	Vị trí việc làm tuyển dụng: Kế toán viên											
47	1	780	Trịnh Thị Thu Hằng		30/9/2000	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi	DTTS	35/60	
48	2	781	Nông Hồng Hạnh		21/4/2001	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	18/60	
49	3	782	Lộc Phương Uyên		13/02/2001	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	22/60	
50	4	783	Hoàng Văn Phú	02/9/1997		Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
51	5	784	Trần Thu Hà		12/4/1999	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	30/60	
52	6	785	Lương Thị Trang Nhung		23/02/2000	Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi		30/60	
53	7	786	Phạm Lê Ngọc Linh		11/3/2001	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi	DTTS	34/60	
54	8	787	Nguyễn Thị Chuyên		15/5/1999	Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi		33/60	
55	9	788	Dương Thị Ánh Hằng		26/6/1995	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
56	10	789	Nguyễn Thị Hằng		10/11/1989	Kinh	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá		0/60	
57	11	790	Hoàng Mai Linh		02/7/2003	Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Giỏi	DTTS	32/60	

STT	STT	Số báo danh	Vị trí việc làm tuyển dụng/Họ và tên thí sinh đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Trình độ chuyên môn				Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có)	Kết quả thi Vòng 1	Ghi chú
				Nam	Nữ		Trình độ	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Kết quả tốt nghiệp			
58	12	791	Nông Thị Thảo		11/12/1995	Nùng	ĐH	Kế toán	Vừa học vừa làm	Khá	DTTS	0/60	
59	13	792	Hoàng Thị Len		16/8/1989	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
60	14	793	Hoàng Thị Thảo Vân		10/12/1990	Tày	ĐH	Kế toán	Từ xa	Trung bình khá	DTTS	21/60	
61	15	794	Nguyễn Thanh Lê		24/3/2000	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	25/60	
62	16	795	Trịnh Tuấn Minh	21/5/2003		Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	
63	17	796	Hoàng Phương Thu		07/8/1991	Nùng	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	36/60	
64	18	797	Chu Hồng Thạch	28/3/2002		Tày	ĐH	Kế toán	Chính quy	Khá	DTTS	0/60	

Tổng số 64 thí sinh./.